TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 01 - 2022
Về việc tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Lợi.

2. Ông Đặng Hoàng Mích.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Phạm Long Hồ – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2021/TLST–HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị N**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn** Văn B, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị N, anh B có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 29/12/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 11/5/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 29/12/2021, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2000 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 02/2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không quan tâm lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2003 đến nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 01/9/2001. Hiện con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 29/12/2021, anh Nguyễn Văn B có ý kiến:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất ý kiến Chị N về thời điểm chung sống và mâu thuẫn gia đình. Anh và Chị N chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến tháng 02/2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý vì không còn tình cảm với nhau nữa.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 01/9/2001. Hiện con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Đặng Thị N, bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29 tháng 12 năm 2021 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1].*Về quan hệ hôn nhân:*

Trong quá trình giải quyết vụ án cả Chị N và anh B đều khai thống nhất sống chung như vợ chồng từ năm 2000 nhưng cho đến thời điểm hiện tại anh chị vẫn không có đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 11/5/2021 của chị Đặng Thị N gửi Ủy ban nhân dân xã P và Ủy ban nhân dân xã Đ được xác nhận như sau: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1977 có chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1975 nhưng qua kiểm tra sổ bộ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và Ủy ban nhân dân xã Đ thì không có tên của chị Đặng Thị N và anh

Nguyễn Văn B nên xác định chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn B không có đăng ký kết hôn.

Từ những cơ sở nêu trên, xác định được chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P và xã Đ nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, xã Đ và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định.

Chị N và anh B có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, lẽ ra anh chị phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa Chị N và anh B là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

[2.2]. *Về con chung:* Chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 01/9/2001. Hiện con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung:* Hai bên khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4]. *Về nợ chung:* Hai bên khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.5]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Đặng Thị N phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 14, 16, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đặng Thị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003400 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Đặng Thị N đã nộp đủ án phí.

Chị Đặng Thị N, anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã P;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lương